

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2018/HNGĐ-PT
Ngày: 28 - 3 -2018
V/v *Tranh chấp ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Phương Nhi**

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Chế Linh

Ông Nguyễn Văn Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Ngọc Sương** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2017/TLPT - HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2017 về “Tranh chấp ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 75/2017/HNGĐ-ST ngày 11 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 08/2018/QĐPT-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lưu Thị Thu N**, sinh năm 1971

Địa chỉ: số 19 Bế Văn Đàn, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. *(có mặt)*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư **Võ Thái H**, sinh năm 1982. Công ty luật HD - Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ.

Địa chỉ: số 99 Lý Tự Trọng, P. P, quận N, thành phố Cần Thơ. *(có mặt)*

- **Bị đơn:** Ông **Ngô Minh L**, sinh năm 1959.

Địa chỉ: số 19 Bế Văn Đàn, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. *(có mặt)*

- Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Lưu Thị Thu N kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 10 tháng 9 năm 2013 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lưu Thị Thu N trình bày: Giữa bà và ông Ngô Minh L sau thời gian quen biết, tìm hiểu đã tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận N, thành phố Cần Thơ vào ngày 26/10/1996. Bà Lưu Thị Thu N và ông Ngô Minh L chung sống với nhau có 02 con chung tên Ngô Hoàng T (nam), sinh ngày 29/01/1998 và Ngô Hoàng Th (nữ), sinh ngày 22/8/1999. Quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn về tình cảm, bất đồng quan điểm, không thể hàn gắn được. Ông L thường xuyên rượu chè say sưa, cất giấu tiền bạc riêng, sống ly thân từ năm 2011. Nay bà Lưu Thị Thu N có yêu cầu ly hôn với ông Ngô Minh L, về 02 con chung tên Ngô Hoàng T (nam), sinh ngày 29/01/1998 và Ngô Hoàng Th (nữ), sinh ngày 22/8/1999 hiện đã trưởng thành, về nợ chung bà Lưu Thị Thu N trình bày là không có. Về tài sản chung: Bà Lưu Thị Thu N yêu cầu chia tài sản theo quy định pháp luật đối với căn nhà cấp 4 có diện tích 88m² tại địa chỉ số 19 Bế Văn Đàn, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

- Phía bị đơn ông Ngô Minh L đồng ý ly hôn với bà Lưu Thị Thu N. Tài sản chung thì ông không đồng ý chia vì muốn để lại cho các con sinh sống đến khi đủ 18 tuổi thì sẽ chia tài sản chung đối với căn nhà cấp 4 có diện tích 88m² tại địa chỉ số 19 Bế Văn Đàn, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Tại Bản án số 75/2017/HNGĐ-ST ngày 11/9/2017 của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ tuyên xử:

Chấp nhận Đơn khởi kiện của bà Lưu Thị Thu N.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lưu Thị Thu N ly hôn với ông Ngô Minh L.

- Về con chung: Đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Giao căn nhà và quyền sử dụng đất tọa lạc tại 19 Bế Văn Đàn, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ cho ông Ngô Minh L (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số

BE727202 do UBND quận N cấp ngày 29/5/2012). Ông L được quyền liên hệ đến cơ quan có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất. Ông Ngô Minh L có trách nhiệm thôi lại cho bà Lưu Thị Thu N số tiền 508.438.000 đồng (Năm trăm lẻ tám triệu bốn trăm ba mươi tám nghìn đồng).

Bà Lưu Thị Thu N được quyền lưu cư 06 tháng tại nhà và đất ở địa chỉ 19 Bê Văn Đàn, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ kể từ khi quan hệ hôn nhân chấm dứt.

- Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí xem xét thẩm định, định giá, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không thống nhất với quyết định của Bản án sơ thẩm:

- Ngày 18/9/2017, nguyên đơn bà Lưu Thị Thu N kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét việc phân chia tài sản giữa bà và ông L. Bà yêu cầu được nhận nhà và đất tại số 19 Bê Văn Đàn, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. Bà sẽ thôi lại phần tiền giá trị chênh lệch cho ông L.

Tại phiên tòa phúc thẩm, qua phân tích và động viên nguyên đơn và bị đơn thống nhất về quan hệ hôn nhân không thể đoàn tụ, chấp nhận quyết định cho ly hôn như bản án đã tuyên. Về tài sản chung những vật dụng sinh hoạt trong gia đình tự thỏa thuận, còn về căn nhà tại số 19 Bê Văn Đàn, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ thống nhất với giá theo kết quả của chứng thư thẩm định của Công ty cổ phần tư vấn và thẩm định giá Đ, có tổng giá trị là 1.016.786.000 đồng. Nguyên đơn và bị đơn thống nhất ông L được trực tiếp sở hữu nhà, ông L có nghĩa vụ giao lại giá trị nhà cho nguyên đơn số tiền 600.000.000 đồng.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn thống nhất với sự thỏa thuận của hai bên đương sự và đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận trên.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa có ý kiến về vấn đề vụ án như sau:

Về tố tụng: cấp sơ thẩm và phúc thẩm thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung: đối với quan hệ hôn nhân và con chung không có kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung nguyên đơn chỉ kháng cáo đối với căn nhà số 19 Bê Văn Đàn, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. Qua sự thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn tại tòa, xét thấy sự thỏa thuận trên là sự tự nguyện của các bên và không trái với pháp luật quy định, nên đề nghị Hội đồng xét

xử chấp nhận và ghi nhận sự thỏa thuận tại Tòa của nguyên đơn và bị đơn; giữ nguyên các phần khác tại quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ đã được thẩm tra tại tòa phúc thẩm: căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ tòa diện ý kiến của kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng sau khi tòa án thụ lý có thực hiện thông báo thụ lý vụ án đến các đương sự đúng theo quy định pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án tòa án đã triệu tập hợp lệ nguyên đơn và bị đơn để ghi lời khai theo quy định.

- Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn bà Lưu Thị Thu N, bị đơn ông Ngô Minh L, xác định ông bà có thời gian quen biết tìm hiểu và thống nhất tiến tới hôn nhân, thực hiện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận N, thành phố Cần Thơ, ngày 26/10/1996. Sau khi kết hôn hai người có một thời gian chung sống hạnh phúc nhưng cũng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bà cũng đã tìm nhiều biện pháp khắc phục nhưng không có hiệu quả và đã sống ly thân ly từ năm 2011 cho đến nay. Chị Ngọc xác định tình cảm vợ chồng không còn cương quyết yêu cầu được ly hôn đồng thời giải quyết phân chia tài sản chung. Trước yêu cầu ly hôn của bà Ngọc ông L cũng thống nhất.

Nên cấp sơ thẩm xét xử theo quan hệ pháp luật xin ly hôn, chia tài sản chung là đúng theo Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan hệ hôn nhân. Con chung và nợ chung nguyên đơn và bị đơn không ai kháng cáo xem như án có hiệu lực thi hành, cấp phúc thẩm không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: ông L xác định căn nhà tại số 19 Bế Văn Đàn, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ là tài sản ông được giải quyết theo tiêu chuẩn của ông có trước thời kỳ hôn nhân. Đối chiếu Quyết định 1954 ngày 25/9/1996 (BL 02) đúng như ông L trình bày ông được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cần Thơ (cũ) ký thuận cho ông Ngô Minh L diện tích 88m² tại khu dân cư Kiến Quốc đường Nguyễn Văn Cừ, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Theo giấy đăng ký kết hôn thì ông bà đăng ký vào ngày 26/10/1996 tức sau quyết định giao đất cho ông L. Tuy nhiên sau khi kết hôn trong thời gian ông bà chung sống hạnh phúc, hai người thống nhất xây dựng nhà trên phần diện tích đất ông L được cấp theo Quyết định số 1954/QĐ.CT.HC.96 ngày 25/9/1996 và thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước về việc lập thủ tục công nhận quyền sử dụng đất cùng trong thời gian này. Xem như ông L tự nguyện nhập diện tích ông được cấp theo Quyết định số 1954/QĐ.CT.HC.96 ngày 25/9/1996 vào tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Vì vậy cấp sơ thẩm xác định nhà và đất tại số 19 Bế Văn Đàn, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ là tài sản chung và chia là phù

hợp. Về xác định giá trị tài sản, nguyên đơn và bị đơn thống nhất giá trị nhà và đất theo kết quả định giá của Công ty cổ phần tư vấn và thẩm định giá Đ, thì tổng giá trị nhà và đất là 1.016.876.000 đồng. Do tại tòa phúc thẩm nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận về phân chia tài sản chung, theo đó ông L được trực tiếp quản lý sử dụng nhà và đất tại số 19 Bế Văn Đàn, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ và có nghĩa vụ giao cho bà Ngọc giá trị nhà với số tiền 600 triệu đồng. Xét thấy sự thỏa thuận về việc phân chia tài sản của các bên tại tòa là sự tự nguyện và không trái với quy định của pháp luật, nên cần ghi nhận.

Do có thay đổi về việc phân chia tài sản nên các bên phải chịu án phí tương ứng với phần giá trị tài sản được nhận.

Từ những phân tích trên cần sửa một phần bản án sơ thẩm theo đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn. Sửa một phần bản án sơ thẩm.

Tuyên án: Chấp nhận Đơn khởi kiện của bà Lưu Thị Thu N.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lưu Thị Thu N ly hôn với ông Ngô Minh L.

- Về con chung: Đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Ghi nhận sự tự thỏa thuận của bà Lưu Thị Thu N và ông Ngô Minh L. Giao căn nhà và quyền sử dụng đất tọa lạc tại 19 Bế Văn Đàn, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ cho ông Ngô Minh L trực tiếp quản lý, sử dụng (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BE727202 do UBND quận N cấp ngày 29/5/2012). Ông L được quyền liên hệ đến cơ quan có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất. Ông Ngô Minh L có trách nhiệm thối lại cho bà Lưu Thị Thu N số tiền 600.000.000 đồng (*Sáu trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người có nghĩa vụ thi hành án chậm trả số tiền nói trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Bà Lưu Thị Thu N được quyền lưu cư 06 tháng tại nhà và đất ở địa chỉ 19 Bế Văn Đàn, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ kể từ ngày án có hiệu lực.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí: Bà Ngọc chịu 200.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 28.000.000 đồng án phí chia tài sản chung, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí là 3.500.000 đồng bà Ngọc đã nộp theo biên lai thu tiền số 000372 ngày 15/10/2013 tại Chi cục thi hành án dân sự quận N, bà Ngọc phải nộp thêm 24.700.000 đồng.

Ông Ngô Minh L nộp 20.675.000 đồng án phí trên giá trị tài sản ông được nhận tại Chi cục thi hành án dân sự quận N.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tổng số tiền 8.149.000 đồng. Bà Ngọc chịu 4.074.500 đồng, ông L chịu 4.074.500 đồng. Do bà Ngọc đã thực hiện nộp số tiền trên và đã chi xong nên ông L có nghĩa vụ nộp 4.074.500 đồng để trả lại cho bà Ngọc.

Án phí phúc thẩm không ai phải chịu. Bà Ngọc được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 004337 ngày 19/9/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự quận N.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực thi hành.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND.TPCT;
- TAND quận N;
- CCTHADS quận N;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Võ Phương Nhi

